

## **CHƯƠNG 4**

### **HẢI QUAN VÀ TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI**

#### **ĐIỀU 4.1**

##### **Mục tiêu**

1. Các Bên nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong môi trường thương mại toàn cầu ngày càng phát triển. Các Bên đồng ý tăng cường hợp tác trong lĩnh vực này để đảm bảo luật pháp và các thủ tục hải quan tương ứng đáp ứng các mục tiêu thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại đồng thời đảm bảo hoạt động kiểm soát hải quan hiệu quả.
2. Các Bên đồng ý rằng các quy định pháp luật không phân biệt đối xử và thủ tục hải quan phải dựa trên việc áp dụng các phương pháp hiện đại và kiểm soát hiệu quả để chống gian lận và thúc đẩy thương mại hợp pháp.
3. Các Bên nhận thức rằng các mục tiêu chính sách công phải chính đáng, kể cả các chính sách liên quan đến an ninh, an toàn và đấu tranh chống gian lận, sẽ không được nhượng bộ dưới bất kỳ hình thức nào.

#### **ĐIỀU 4.2**

##### **Hợp tác hải quan và hỗ trợ hành chính**

1. Các cơ quan liên quan của các Bên phải hợp tác về các vấn đề hải quan để đạt được các mục tiêu đặt ra tại Điều 4.1 (Mục tiêu).
2. Các Bên sẽ mở rộng quan hệ hợp tác hải quan, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:
  - (a) trao đổi thông tin liên quan tới quy định pháp luật hải quan, việc triển khai quy định pháp luật và thủ tục hải quan, cụ thể trong các lĩnh vực sau:
    - (i) đơn giản hóa và hiện đại hóa thủ tục hải quan;
    - (ii) thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới bởi các cơ quan hải quan;
    - (iii) tạo thuận lợi cho hoạt động quá cảnh và chuyên tải; và
    - (iv) mối quan hệ với cộng đồng doanh nghiệp;

- (b) phát triển các sáng kiến chung liên quan tới thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu và các thủ tục hải quan khác, kể cả hỗ trợ kỹ thuật để đảm bảo cung cấp dịch vụ một cách hiệu quả cho cộng đồng doanh nghiệp;
  - (c) tăng cường hợp tác trong lĩnh vực hải quan tại các tổ chức quốc tế như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Tổ chức Hải quan Thế giới (sau đây gọi là “WCO”); và
  - (d) nếu thích hợp, thiết lập cơ chế công nhận lẫn nhau về các chương trình đối tác thương mại và kiểm soát hải quan kể cả các biện pháp tạo thuận lợi thương mại tương đương.
3. Các Bên phải hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong các vấn đề hải quan phù hợp với quy định của Nghị định thư 2 (Về Hỗ trợ hành chính trong lĩnh vực hải quan).

### ĐIỀU 4.3

#### Các quy định và thủ tục hải quan

1. Các Bên đồng ý rằng các quy định và thủ tục hải quan phải dựa trên các văn kiện và chuẩn mực quốc tế áp dụng trong lĩnh vực hải quan và thương mại, bao gồm các nội dung cơ bản của *Công ước quốc tế về Đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan*, và các sửa đổi (*Công ước Kyoto Sửa đổi*) làm tại Brúc-xen ngày 26 tháng 6 năm 1999, *Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã số hàng hóa* (sau đây gọi là “*Công ước HS*”), *Khung tiêu chuẩn về an ninh và tạo thuận lợi thương mại toàn cầu* và mô hình dữ liệu hải quan của Tổ chức Hải quan Thế giới.
2. Các quy định và thủ tục hải quan của các Bên phải:
  - (a) nhằm mục tiêu bảo vệ thương mại hợp pháp thông qua thực thi hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật;
  - (b) tránh các gánh nặng không cần thiết hoặc phân biệt đối xử đối với các chủ thể kinh tế, và tạo thuận lợi hơn nữa cho các chủ thể có mức độ tuân thủ cao; và
  - (c) đảm bảo các biện pháp bảo vệ chống các hoạt động gian lận và trái phép hoặc các hoạt động gây tổn hại.
3. Các Bên đồng ý rằng các quy định và thủ tục hải quan bao gồm các cơ chế xử lý phải phù hợp và không phân biệt đối xử và việc áp dụng chúng không được gây chậm trễ quá mức tới việc giải phóng hàng hóa.
4. Để cải thiện cách thức làm việc, cũng như để đảm bảo các hoạt động không phân biệt đối xử, minh bạch, hiệu quả, liêm chính và trách nhiệm, các Bên phải:
  - (a) đơn giản hóa và rà soát các yêu cầu và thủ tục, khi có thể, trong việc giải phóng và thông quan hàng hóa một cách nhanh chóng; và

- (b) hướng tới việc tiếp tục đơn giản hóa và tiêu chuẩn hóa dữ liệu và hồ sơ theo yêu cầu của hải quan hoặc các cơ quan khác.

#### ĐIỀU 4.4

##### Giải phóng hàng hóa

1. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng cơ quan hải quan của Bên đó phải áp dụng các yêu cầu và thủ tục quy định đối với việc giải phóng hàng hóa trong một khoảng thời gian không dài hơn thời gian quy định để đảm bảo việc tuân thủ luật pháp và các thủ tục liên quan tới hải quan và thương mại. Mỗi Bên phải hướng tới việc tiếp tục giảm thời gian giải phóng hàng nêu trên và thực hiện giải phóng hàng hóa mà không chậm trễ quá mức.
2. Các Bên, ngoài những việc khác, sẽ cho phép việc giải phóng hàng hóa mà không phải nộp thuế quan, với điều kiện nộp một khoản đảm bảo nếu được yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật của các Bên nhằm đảm bảo việc nộp thuế quan sau đó.
3. Mỗi Bên phải đảm bảo các cơ quan hải quan của Bên đó cung cấp thông tin điện tử trước và sau đó là xử lý thông tin trước khi hàng thực tế đến (xử lý trước khi hàng đến) để cho phép giải phóng hàng ngay khi đến.

#### ĐIỀU 4.5

##### Đơn giản hóa thủ tục hải quan

1. Mỗi Bên phải quy định các biện pháp đơn giản hóa thủ tục hải quan minh bạch và hiệu quả để giảm chi phí và tăng tính dự đoán cho các chủ thể kinh tế, bao gồm cả doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp ưu tiên phải được tiếp cận các thủ tục hải quan đơn giản dễ dàng hơn, phù hợp với mục tiêu và các tiêu chí không phân biệt đối xử.
2. Chỉ sử dụng một văn bản hành chính duy nhất hoặc văn bản điện tử tương đương để hoàn thành các thủ tục đối với hàng hóa làm thủ tục hải quan.
3. Các Bên phải áp dụng các kỹ thuật hải quan hiện đại, bao gồm các phương pháp đánh giá rủi ro và kiểm tra sau thông quan nhằm đơn giản hóa và tạo thuận lợi cho việc nhập và giải phóng hàng.
4. Các Bên phải thúc đẩy việc nhanh chóng xây dựng và sử dụng các hệ thống, kể cả các hệ thống dựa trên công nghệ thông tin, để tạo thuận lợi cho việc trao đổi điện tử các dữ liệu giữa các doanh nghiệp, các cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan khác.

#### ĐIỀU 4.6

##### Quá cảnh và chuyển tải

1. Mỗi Bên phải đảm bảo việc tạo thuận lợi và kiểm soát hiệu quả các hoạt động chuyên tải và quá cảnh qua lãnh thổ của mình.

2. Mỗi Bên phải đảm bảo việc hợp tác và điều phối giữa tất cả các cơ quan liên quan tại lãnh thổ của Bên đó để tạo thuận lợi cho việc quá cảnh.

#### ĐIỀU 4.7

##### Quản lý rủi ro

1. Mỗi Bên phải tiến hành các thủ tục kiểm tra và giải phóng hàng cũng như thủ tục kiểm tra sau thông quan trên cơ sở các nguyên tắc đánh giá rủi ro và kiểm tra, hơn là kiểm tra toàn diện từng lô hàng để xác định việc tuân thủ tất cả các yêu cầu nhập khẩu.
2. Các Bên đồng ý thông qua và áp dụng các yêu cầu và thủ tục kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và chuyển tải đối với hàng hóa dựa trên các nguyên tắc quản lý rủi ro, được áp dụng để tập trung các biện pháp đánh giá tuân thủ vào các giao dịch cần được chú ý thích đáng.

#### ĐIỀU 4.8

##### Minh bạch

1. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các luật, quy định và các thủ tục hành chính chung về hải quan và liên quan tới thương mại và các yêu cầu khác, kể cả phí và lệ phí, được công khai cho tất cả các bên có quan tâm và đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức, khi khả thi và phù hợp.
2. Mỗi Bên phải chỉ định hoặc duy trì một hoặc nhiều đầu mối hỏi đáp hoặc cung cấp thông tin để giải đáp các câu hỏi của các bên có quan tâm tới các vấn đề hải quan và liên quan tới thương mại trong một thời hạn hợp lý.

#### ĐIỀU 4.9

##### Xác định trước

1. Phù hợp với luật và quy định của mỗi Bên, theo yêu cầu bằng văn bản của các doanh nghiệp, các cơ quan hải quan của mỗi Bên phải ban hành văn bản xác định trước về phân loại thuế hoặc về bất cứ vấn đề nào mà các Bên có thể đồng ý, trước khi hàng nhập khẩu vào lãnh thổ của mình.
2. Trên cơ sở tuân thủ các yêu cầu bảo mật theo quy định pháp luật của mỗi Bên, các Bên phải công bố các kết quả xác định trước về phân loại thuế và bất kỳ vấn đề nào mà các Bên có thể đồng ý, ví dụ như trên trang mạng chính thức.
3. Để tạo thuận lợi thương mại, các Bên phải thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật về xác định trước của mình tại chương trình đối thoại song phương.

## ĐIỀU 4.10

### Phí và lệ phí

1. Mỗi Bên phải công bố thông tin về về phí và lệ phí qua một phương tiện chính thức được chỉ định, nếu khả thi và có thể, trên một trang thông tin điện tử chính thức. Thông tin này phải bao gồm phí và lệ phí được áp dụng, lý do thu phí và lệ phí cho dịch vụ đã cung cấp, cơ quan chịu trách nhiệm, thời điểm và cách thức nộp.
2. Mỗi Bên không được áp dụng các loại phí và lệ phí mới ban hành hoặc sửa đổi cho tới khi thông tin được công bố phù hợp với khoản 1.

## ĐIỀU 4.11

### Đại lý hải quan

Các Bên sẽ không yêu cầu việc bắt buộc sử dụng đại lý hải quan tại các quy định và thủ tục về hải quan của mỗi Bên. Các Bên phải áp dụng các nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử, hợp lý khi cấp phép cho đại lý hải quan.

## ĐIỀU 4.12

### Trị giá hải quan

1. Các Bên phải xác định trị giá hải quan cho hàng hóa phù hợp với Điều VII của Hiệp định GATT 1994 và Hiệp định Trị giá hải quan.
2. Các Bên phải hợp tác để đạt được một giải pháp chung đối với các vấn đề liên quan tới trị giá hải quan.

## ĐIỀU 4.13

### Kiểm tra trước khi gửi hàng

Các Bên đồng ý rằng các quy định và thủ tục hải quan không bắt buộc sử dụng dịch vụ kiểm tra trước khi gửi hàng như được quy định trong Hiệp định về Kiểm tra trước khi gửi hàng, hoặc bất kỳ hoạt động kiểm tra khác do các công ty tư nhân thực hiện tại điểm đến, trước khi thông quan.

## ĐIỀU 4.14

### Rà soát và khiếu nại

Mỗi Bên phải đưa ra các thủ tục hiệu quả, nhanh chóng, không phân biệt đối xử và dễ tiếp cận để đảm bảo quyền khiếu nại đối với các quyết định hành chính, phán quyết và quyết định của cơ quan hải quan và cơ quan khác ảnh hưởng tới việc nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh hàng hóa.

## ĐIỀU 4.15

### Mối quan hệ với cộng đồng doanh nghiệp

Các Bên đồng ý:

- (a) về nhu cầu tham vấn kịp thời với các cơ quan đại diện thương mại về các đề xuất pháp lý và thủ tục chung liên quan tới các vấn đề hải quan và tạo thuận lợi thương mại. Vì mục đích đó, mỗi Bên phải xây dựng cơ chế tham vấn phù hợp giữa các cơ quan và cộng đồng doanh nghiệp;
- (b) công bố hoặc công khai, nếu có thể trên các phương tiện thông tin điện tử, các quy định pháp luật và thủ tục chung mới liên quan tới các vấn đề hải quan và tạo thuận lợi cho thương mại trước khi áp dụng bất kỳ luật và thủ tục nào, cũng như là các nội dung sửa đổi và giải thích luật và thủ tục đó; các Bên cũng phải công bố các thông báo hành chính liên quan, kể cả các yêu cầu của cơ quan và thủ tục nhập khẩu, thời gian làm việc và thủ tục nghiệp vụ của các đơn vị hải quan tại cảng và cửa khẩu biên giới, các đầu mối liên lạc hỏi đáp thông tin;
- (c) về nhu cầu đối với một khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm công bố việc ban hành mới hoặc sửa đổi luật, thủ tục và phí hoặc lệ phí với thời điểm có hiệu lực; và
- (d) đảm bảo rằng các yêu cầu và các thủ tục liên quan đến hải quan tiếp tục đáp ứng nhu cầu của cộng đồng doanh nghiệp, tuân theo các thông lệ tốt nhất, và tạo ít rào cản cho thương mại nhất có thể.

## ĐIỀU 4.16

### Ủy ban Hải quan

1. Ủy ban Hải quan được thành lập theo Điều 17.2 (Các Ủy ban chuyên môn) phải gồm đại diện của các Bên.
2. Ủy ban Hải quan phải đảm bảo việc thực thi đúng chức năng của Chương này, việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ của cơ quan hải quan phù hợp với quy định tại Tiểu Mục 4 (Kiểm soát biên giới) Mục C (Thực thi quyền sở hữu trí tuệ) của Chương 12 (Quyền sở hữu trí tuệ), Nghị định thư 1 (Quy định “Hàng hóa có xuất xứ” và Phương thức hợp tác quản lý hành chính), Nghị định thư 2 (Về Hỗ trợ hành chính trong lĩnh vực hải quan) và bất kỳ quy định bổ sung nào liên quan tới hải quan mà các Bên đồng ý.
3. Ủy ban Hải quan phải đánh giá nhu cầu và phê duyệt các quyết định, ý kiến, đề xuất hoặc khuyến nghị về tất cả các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai các quy định dẫn chiếu tại khoản 2. Ủy ban có thẩm quyền áp dụng các quyết định về công nhận lẫn nhau về các kỹ thuật quản lý rủi ro, các tiêu chí và tiêu chuẩn rủi ro, kiểm soát an ninh và các chương trình đối tác thương mại, kể cả các vấn đề như truyền dữ liệu và các lợi ích đồng thuận.